



NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – MÔN LỊCH SỬ 10

NĂM HỌC: 2025 – 2026

I. NỘI DUNG

Bài 3. Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên và phát triển du lịch

- Mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá, di sản thiên nhiên.
- Vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên.
- Vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch.
- Vai trò/tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, di sản văn hoá.
- Vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề được đặt ra, liên hệ thực tiễn.

Bài 4. Khái niệm văn minh. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại

- Khái niệm văn minh.
- So sánh văn minh và văn hoá.
- Thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai cập cổ đại, văn minh Trung Hoa và Ấn Độ cổ - trung đại.

Bài 5. Một số nền văn minh phương Tây thời cổ - trung đại.

- Thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp – La Mã thời cổ đại.
- Thành tựu tiêu biểu của văn minh thời Phục hưng.

II. HÌNH THỨC: Gồm 3 phần

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án đúng nhất. (3.0 điểm)

→ Học sinh học nội dung kiến thức đã thông báo, tham khảo làm bài tập để rèn luyện kỹ năng.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng /sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d), ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. (4.0 điểm)

→ Câu 1+2: + Đơn vị kiến thức: Thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập thời cổ đại, văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại, Văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại.

→ Câu 3+4: Đơn vị kiến thức: Thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp – La Mã thời cổ đại; Thành tựu tiêu biểu của văn minh thời Phục hưng.

PHẦN III. Tự luận (3.0 điểm)

Câu 1: (1.0 điểm)

- Phân tích, trình bày được ý nghĩa của các thành tựu tiêu biểu của văn minh phương Đông thời kì cổ - trung đại.

- Trình bày được nguồn gốc, nguyên nhân ra đời, sự phát triển của các thành tựu tiêu biểu trên các lĩnh vực của văn minh phương Đông thời cổ - trung đại.

Câu 2. (2.0 điểm)

- Xác định được vấn đề cần giải quyết và vận dụng được các kiến thức, bài học lịch sử để giải quyết vấn đề như đưa ra nhận xét, đánh giá, xác định liên hệ về giá trị,... các thành tựu trên các lĩnh vực của văn minh Hi Lạp – La Mã thời cổ đại.

- Biết tìm tòi, khám phá thông qua sử liệu để đưa ra nhận xét, đánh giá sự tương đồng hoặc khác biệt giữa các thành tựu tiêu biểu của văn minh phương Đông thời cổ trung - đại và văn minh phương Tây thời cổ - trung đại.

Học sinh tham khảo các câu trắc nghiệm dưới đây để rèn luyện kỹ năng làm phân trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn:

Câu 1: Di sản văn hóa là một bộ phận quan trọng của

- A. toán học. B. lịch sử. C. công nghệ. D. kỹ thuật.

Câu 2: Di sản văn hoá là những sản phẩm tinh thần, vật chất, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, có giá trị

- A. lịch sử, văn hoá. B. kinh tế, chính trị. C. luật pháp, văn hoá. D. khoa học, công nghệ.

Câu 3: Ngành khoa học nào sau đây góp phần quan trọng trong bảo tồn và phát huy những giá trị của di sản văn hóa phi vật thể?

- A. Sinh vật học. B. Sử học. C. Y học. D. Giải phẫu học.

Câu 4: Nội dung nào sau đây **không** phải là biểu hiện về mối quan hệ giữa Sử học với di sản văn hóa, di sản thiên nhiên?

- A. Sử học quyết định sự tồn tại của tất cả các di sản. B. Di sản là nguồn sử liệu cho nghiên cứu lịch sử.
C. Sử học góp phần quảng bá hình ảnh di sản tới cộng đồng.
D. Sử học góp phần xác định đúng các giá trị của mỗi di sản.

Câu 5: Các loại hình di sản văn hóa có ý nghĩa nào sau đây đối với lĩnh vực Sử học?

- A. Quyết định nhất đối với sự tồn tại và phát triển của Sử học.
B. Quyết định chính sách của Nhà nước đối với khoa học lịch sử.
C. Là nguồn tư liệu và cơ sở để nghiên cứu, tái hiện lại lịch sử.
D. Là nguồn sử liệu phi chính thống trong nghiên cứu lịch sử.

Câu 6: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng vai trò của các loại hình di sản văn hoá đối với nghiên cứu lịch sử?

- A. Là nguồn sử liệu duy nhất để tái hiện lại lịch sử. B. Là nguồn sử liệu phi chính thống để tham khảo.
C. Là nguồn sử liệu thành văn có giá trị khoa học cao.
D. Là nguồn sử liệu quan trọng để nghiên cứu lịch sử.

Câu 7: Nội dung nào sau đây là biểu hiện về mối quan hệ giữa Sử học với di sản văn hóa, di sản thiên nhiên?

- A. Sử học quyết định sự tồn tại của tất cả các di sản văn hóa.
B. Di sản là nguồn sử liệu thành văn cho nghiên cứu lịch sử.

C. Nghiên cứu Sử học tạo cơ sở khoa học cho bảo tồn di sản.

D. Di sản quyết định trực tiếp sự tồn tại của khoa học lịch sử.

Câu 8: Giá trị lịch sử của di sản được giữ gìn thông qua việc

A. kiểm kê. B. bảo tồn. C. xây dựng. D. làm mới.

Câu 9: Điều cốt lõi trong hoạt động bảo tồn di sản văn hóa là phải đảm bảo tính

A. kế thừa. B. nguyên trạng. C. tái tạo. D. nhân tạo.

Câu 10: Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá không phải là hoạt động

A. tiến hành xây mới các di tích, hiện đại hoá di tích.

B. đảm bảo sự phát triển bền vững của quốc gia, dân tộc.

C. đem lại hiệu quả thiết thực phát triển kinh tế, xã hội.

D. hình thành ý thức trách nhiệm với cộng đồng, xã hội.

Câu 11: Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** vai trò của công tác bảo tồn các di sản văn hóa phi vật thể?

A. Góp phần khắc phục những tác động tiêu cực của tự nhiên đối với di sản.

B. Giúp giữ gìn và lưu truyền giá trị của di sản từ thế hệ này sang thế hệ khác.

C. Góp phần ngăn chặn tình trạng xuống cấp, biến dạng và hư hỏng của di sản.

D. Tạo nhân tố quyết định cho sự phát triển của kinh tế, xã hội của địa phương.

Câu 12: Bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá là hoạt động

A. tìm kiếm, lưu giữ và bảo vệ các giá trị di sản. B. phát triển và lan toả các giá trị di sản.

C. lưu giữ, bảo vệ và lan toả các giá trị của di sản. D. quy hoạch, lưu giữ và bảo vệ các di sản.

Câu 13: Sự phát triển của du lịch có ý nghĩa nào sau đây đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa?

A. định hướng sự phát triển của Sử học trong tương lai.

B. Xác định chức năng, nhiệm vụ của khoa học lịch sử.

C. cung cấp bài học kinh nghiệm cho các nhà sử học. D. quảng bá lịch sử, văn hoá cộng đồng ra bên ngoài.

Câu 14: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa?

A. Góp phần quảng bá rộng rãi giá trị di tích lịch sử - văn hóa ra bên ngoài.

B. Bồi đắp ý thức trách nhiệm bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa của cộng đồng.

C. Tạo ra nguồn kinh phí hỗ trợ công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản.

D. Ngăn cản tác động xấu của thiên nhiên và con người lên các di sản văn hóa.

Câu 15: Nội dung nào sau đây **không** phải là biện pháp để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa?

- A. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.
- B. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về di sản văn hóa.
- C. Phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo tồn di sản.
- D. Làm mới hoàn toàn các di sản văn hóa bị xuống cấp.

Câu 16. Nội dung nào sau đây là yếu tố cơ bản để xác định loài người bước vào thời kì văn minh?

- A. Chữ viết, nhà nước.
- B. Tín ngưỡng, tôn giáo.
- C. Công cụ bằng đá.
- D. Nguyên tắc công bằng.

Câu 17. Văn hoá là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra

- A. trong tiến trình lịch sử.
- B. sau khi đã có chữ viết.
- C. sau khi xuất hiện nhà nước.
- D. trong các cuộc chiến tranh.

Câu 18. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm tương đồng giữa văn hóa và văn minh?

- A. Đều mang đậm bản sắc riêng của tộc người và có tính khép kín.
- B. Đều phản ánh những tiến bộ vượt bậc về khoa học học và kĩ thuật.
- C. Đều là những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo nên.
- D. Đều bắt đầu xuất hiện khi con người biết sử dụng công cụ bằng sắt.

Câu 19. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm khác biệt của văn minh so với văn hóa?

- A. Văn minh ra đời trước văn hóa và hoàn toàn độc lập với văn hóa
- B. Văn minh chỉ xuất hiện khi con người biết chế tạo công cụ lao động
- C. Văn minh xuất hiện đồng thời với sự xuất hiện con người trên trái đất
- D. Văn minh chỉ được sáng tạo trong thời kì phát triển cao của xã hội.

Câu 20. Một trong những nền văn minh tiêu biểu của phương Đông thời kì cổ - trung đại là

- A. Hi Lạp.
- B. Rô – ma.
- C. Ấn Độ.
- D. La Mã.

Câu 21. Cư dân Ai Cập cổ đại đã sớm tạo ra chữ viết riêng của mình, gọi là chữ

- A. La – tinh.
- B. Hán Nôm.
- C. tượng hình.
- D. Quốc ngữ.

Câu 22. Thành tựu về lĩnh vực nào sau đây của cư dân Ai Cập cổ đại đã được ứng dụng hiệu quả trong việc xây dựng kim tự tháp?

- A. Tôn giáo.
- B. Toán học.
- C. Tín ngưỡng.
- D. Chữ viết.

Câu 23. Đối với thế giới, những thành tựu của nền văn minh Ai Cập cổ đại có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Thể hiện trí tuệ và sự sáng tạo vĩ đại của cư dân Ai Cập.
- B. Tạo tiền đề cho sự phát triển của văn minh Ai Cập sau này.
- C. Tạo cơ sở cho sự phát triển văn minh nhân loại trên nhiều mặt.

D. Chứng tỏ sự phát triển rực rỡ và toàn diện của văn minh Ai Cập.

Câu 24. Ấn Độ là quê hương của những tôn giáo lớn nào sau đây?

- A. Phật giáo, Đạo giáo. B. Phật giáo, Hin-đô giáo.
C. Thiên Chúa giáo, Hồi giáo. D. Phật giáo, Hồi giáo.

Câu 25. Một trong những thành tựu của văn minh Ấn Độ và Trung Hoa thời kì cổ - trung đại là

- A. sớm sáng tạo ra chữ viết riêng của mình. B. kĩ thuật ướp xác và xây dựng kim tự tháp
C. xây dựng được chế độ dân chủ cộng hòa. D. nơi khởi nguồn và phát triển của Phật giáo.

Câu 26. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng ý nghĩa của nền văn minh Ấn Độ thời kì cổ-trung đại?

- A. Có ảnh hưởng đến văn minh của nhiều quốc gia khác trên thế giới.
B. Tạo cơ sở và nền tảng cho sự phát triển của văn hóa Ấn Độ sau này.
C. Chứng minh sự sáng tạo phi thường của cư dân Ấn Độ cổ trung đại.
D. Tạo cơ sở cho sự hình thành và phát triển của văn minh Phục Hưng.

Câu 27. Những thành tựu của nền văn minh Ai Cập cổ đại và văn minh Ấn Độ thời kì cổ - trung đại đều

- A. đóng góp cho sự phát triển của văn minh thế giới. B. ảnh hưởng sâu rộng đến văn minh Đông Nam Á.
C. tạo tiền đề cho sự phát triển của văn minh Hi Lạp. D. tạo cơ sở thúc đẩy xu thế toàn cầu hóa phát triển.

Câu 28: Thành tựu nào sau đây của Trung Quốc là di sản văn hóa thế giới?

- A. Tháp Thất Luồng. B. Vạn lí trường thành. C. Kim tự tháp. D. Đền Pác tê nông

Câu 29: Một trong những phát minh lớn về kĩ thuật của người Trung Hoa thời cổ đại là

- A. máy tính điện tử. B. kĩ thuật in. C. động cơ hơi nước. C. động cơ điện.

Câu 30: Nội dung nào sau đây là điểm khác biệt giữa văn minh Trung Hoa thời kì cổ - trung đại với văn minh Ai Cập thời kì cổ đại?

- A. Có nền kinh tế nông nghiệp là chủ đạo. B. Thành tựu văn minh đa dạng, phong phú
C. Lấy Nho giáo là hệ tư tưởng chính thống. D. Sớm sáng tạo ra chữ viết riêng của dân tộc

Câu 31: Đây là những thể loại tạo nguồn cảm hứng và phong phú cho nền văn học cổ đại Hy Lạp –La Mã?

- A. Thần thoại, thơ, văn xuôi, kịch. B. Kí sự, thần thoại, truyện cười.
C. Văn học dân gian, truyện ngắn. D. Tiểu thuyết, thơ ca, kịch.

Câu 32: Đền Pác-tê-nông là thành tựu của người Hy Lạp – La Mã cổ đại trên lĩnh vực:

- A. kiến trúc. B. điêu khắc. C. hội họa. D. xây dựng.

Câu 33: Pi-ta-go là nhà khoa học nổi tiếng của Hi Lạp thuộc lĩnh vực nào?

- A. Toán học. B. Y học. C. Vật lí. D. Hóa học.

Câu 34: I-li-at và Ô-đi-xê là bản anh hùng ca nổi tiếng của nước nào thời cổ đại?

A. Hi Lạp. B. Ai Cập. C. Rô-ma. D. Ấn Độ.

Câu 35: Tác phẩm nghệ thuật nổi tiếng thế giới "Người lực sĩ ném đĩa, Thần Vệ nữ Mi lô" là của nước nào?

A. Hi Lạp. B. Ấn Độ. C. Trung Quốc. D. Rô-ma.

Câu 36: Phát minh nào dưới đây của cư dân Hy Lạp – La Mã cổ đại là công hiến lớn lao cho nền văn minh nhân loại?

A. Kiến trúc. B. Văn học. C. Nghệ thuật. D. Chữ viết.

Câu 37: Quê hương của triết học phương Tây là:

A. văn minh Hy Lạp - La Mã cổ đại B. văn minh Ấn Độ cổ đại.

C. văn minh Trung Hoa cổ đại. D. văn minh Hy Lạp – Rô Ma.

Câu 39: Về văn học, người Hy Lạp cổ đại đã sáng tạo ra những tác phẩm nổi tiếng nào?

A. Bộ sử thi I-li-át. B. Nhiều vở kịch của tác giả Ê-sin.

C. Bộ sử thi ô-đi-xê. D. Hai bộ sử thi I-li-át và ô-đi-xê.

Câu 40: Yếu tố nào sau đây là “nguồn cảm hứng” của văn học Hy Lạp – Rô Ma cổ đại?

A. Thần Thoại. B. Thiên nhiên. C. Con người. D. Tâm linh.

Câu 41: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng và đầy đủ ý nghĩa những công hiến về khoa học, kỹ thuật của người Hy Lạp – La Mã cổ đại?

A. Đặt nền tảng cho sự phát triển khoa học, kỹ thuật hiện đại.

B. Giúp các nhà khoa học phát huy tài năng lỗi lạc của mình.

C. Mở đầu cho những hiểu biết của con người về khoa học.

D. Giúp cho con người hiểu biết chính xác về Thiên văn học.

Câu 42: Điểm khác biệt của nền văn minh cổ đại phương Tây so với nền văn minh cổ đại phương Đông là:

A. chỉ đạt được thành tựu to lớn trên lĩnh vực hội họa và âm nhạc.

B. tất cả các lĩnh vực văn hóa đều đạt trình độ hoàn hảo và có giá trị cao.

C. hình thành muộn hơn nhưng có tính chính xác và hiểu biết cao hơn.

D. đều hình thành cùng thời gian nhưng phương Đông phát triển cao hơn.

Câu 43: Nền tảng những thành tựu về tư tưởng, tri thức của phương Tây thời cận – hiện đại là:

A. triết học Hy Lạp - La Mã cổ đại B. triết học Ấn Độ cổ đại.

C. triết học Trung Hoa cổ đại. D. triết học Hy Lạp – Rô Ma.

Câu 44: Văn hóa Phục hưng là phong trào:

A. khôi phục lại những gì đã mất của văn hóa phương Đông cổ đại.

B. khôi phục lại tinh hoa văn hóa của các quốc gia cổ đại phương Đông.

C. phục hưng lại các giá trị văn hóa của Trung Hoa và Ấn Độ cổ đại.

D. phục hưng văn hóa Hy Lạp-La Mã và sáng tạo nền văn hóa mới.

Câu 45: Những tác phẩm: Bữa tiệc cuối cùng, Nàng Mô-na Li-sa thuộc lĩnh vực nào trong thời văn hóa Phục hưng thế kỉ XV-XVI?

A. Hội họa. B. Văn học. C. Kịch. D. Kiến trúc.

Câu 46: Lê-ô-na đờ Vanh-xi là một nhà danh họa, nhà điêu khắc nổi tiếng trong thời kì:

A. cổ đại Hy Lạp - La Mã. B. văn hóa Phục hưng.

C. phương Tây hiện đại. D. phương Đông cổ đại.

Câu 47: Giai cấp tư sản khởi xướng phong trào Văn hóa Phục hưng nhằm mục đích nào sau đây?

A. Khôi phục tinh hoa văn hóa của phương Đông thời cổ đại.

B. Làm vũ khí đấu tranh chống lại giai cấp vô sản đang lên.

C. Bảo vệ cho sự thống trị bền vững của giai cấp quý tộc.

D. Xây dựng nền văn hóa mới, phù hợp của giai cấp tư sản.

Câu 48: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng những nội dung cơ bản của phong trào văn hóa Phục hưng?

A. Lên án, đả kích Giáo hội Cơ Đốc và giai cấp thống trị phong kiến.

B. Đòi quyền tự do cá nhân và đề cao giá trị con người, tinh thần dân tộc.

C. Giải phóng con người khỏi trật tự, lễ giáo phong kiến thối nát.

D. Đề cao nội dung và giáo lí Cơ Đốc giáo và tư tưởng phong kiến.

Câu 49: Đối với Tây Âu thời hậu kỳ Trung đại, phong trào văn hóa Phục hưng đã:

A. mở đường cho văn minh Tây Âu phát triển rực rỡ.

B. mở đường cho văn hóa thế giới phát triển cao hơn.

C. mở đường cho văn hóa I-ta-li-a phát triển mạnh mẽ.

D. mở đường cho văn hóa Đức phát triển hưng thịnh.

Câu 50: Phong trào văn hóa Phục hưng được đánh giá là một “*Cuộc cách mạng tiến bộ vĩ đại*” vì lí do nào sau đây?

A. Là cuộc đấu tranh công khai đầu tiên của tư sản chống phong kiến.

B. Mở ra những vùng đất mới, con đường mới và những dân tộc mới.

C. Thị trường thế giới mở rộng, thúc đẩy hàng hải quốc tế phát triển.

D. Thúc đẩy quá trình khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu.

MA TRẬN, ĐẶC TẢ THEO MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2025 - 2026
MÔN: LỊCH SỬ 10, THỜI GIAN: 45 PHÚT

I. MỤC ĐÍCH

1. Kiến thức: Học sinh nắm được:

Bài 3. Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên và phát triển du lịch

- Mối quan hệ giữa sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hoá, di sản thiên nhiên.
- Vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá và di sản thiên nhiên.
- Vai trò của lịch sử và văn hoá đối với sự phát triển du lịch.
- Vai trò/tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử, di sản văn hoá.
- Vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề được đặt ra, liên hệ thực tiễn.

Bài 4. Khái niệm văn minh. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại

- Khái niệm văn minh.
- So sánh văn minh và văn hoá.
- Thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai cập cổ đại, văn minh Trung Hoa và Ấn Độ thời cổ - trung đại.

Bài 5. Một số nền văn minh phương Tây thời cổ - trung đại.

- Thành tựu tiêu biểu của văn minh Hy Lạp – La Mã thời cổ đại.
- Thành tựu tiêu biểu của văn minh thời Phục hưng.

2. Năng lực

- Lựa chọn, trình bày vấn đề lịch sử.
- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy.
- Phân tích, nhận xét, đánh giá, liên hệ thực tiễn.

3. Phẩm chất

- Trung thực: tự giác làm bài kiểm tra.
- Chăm chỉ: Ôn bài nghiêm túc, phát huy hết khả năng của mình.

II. HÌNH THỨC: Gồm 3 phần

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án đúng nhất. (3.0 điểm)

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng /sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d), ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. (4.0 điểm)

PHẦN III. Tự luận (3.0 điểm)

III. MA TRẬN ĐỀ

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng - sai			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
2	Chủ đề 2. Vai trò của sử học	Bài 3. Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên và phát triển du lịch	2	2	-	-	-	-	-	-	-	TN: 2	TN: 2	-	10%
1	Chủ đề 3. Một số nền văn minh thế giới thời cổ - trung đại	Bài 4. Khái niệm văn minh. Một số nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại	3	1	-	(a) (b) (a) (b)	(c) (c)	(d) (d)	-	1	-	TN: 7	TN: 3 TL: 1	TN: 2	40%
		Bài 5. Một số nền văn minh phương Tây thời cổ - trung đại	3	1	-	(a) (b) (a) (b)	(c) (c)	(d) (d)	-	-	1	TN: 7	TN: 3 TL: 1	TN: 2 TL: 1	50%
Tổng số câu			8	4	0	4 (a) 4 (b)	4 (c)	4 (d)	0	1	1	TN: 16 TL: 0	TN: 8 TL: 1	TN: 4 TL: 1	100%
Tổng số điểm			2.0	1.0	0.0	2.0	1.0	1.0	0.0	1.0	2.0	4.0	3.0	3.0	10
Tổng số điểm			3.0			4			3			4	3	3	10
Tỉ lệ %			70			30			40			40	30	30	100

IV. ĐẶC TẢ THEO MA TRẬN

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Trắc nghiệm		Tự luận
				Nhiều lựa chọn	Đúng-Sai	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	Chủ đề 2. Vai trò của sử học	Bài 3. Sử học với công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên và phát triển du lịch	Nhận biết – Biết được khái niệm của di sản văn hóa. Mối quan hệ giữa Sử học với di sản văn hóa, di sản thiên nhiên. - Biết được các giá trị của di sản văn hóa cũng như biết được di sản được giữ gìn và phát huy thông qua những hoạt động nào. - Biết được vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên. - Biết được vai trò của các loại hình di sản văn hoá đối với nghiên cứu lịch sử. - Biết được ý nghĩa của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa. - Biết được các loại hình di sản. - Khai thác thông tin và tư liệu biết được vai trò của lịch sử và văn hóa đối với sự phát triển của du lịch.	Câu 1, 2		
Thông hiểu – Hiểu được vai trò của Sử học đối với việc bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa, di sản thiên nhiên. - Hiểu được ý nghĩa, tác động của du lịch đối với công tác bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa. - Hiểu được vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá, di sản thiên nhiên.			Câu 9, 10			
1		Bài 4. Khái niệm văn minh. Một số nền văn minh Nhận biết: - Biết cách khai thác tư liệu lịch sử. - Biết được khái niệm văn minh và văn hóa. - Biết xác định những tiêu chí đánh dấu con người bước vào thời đại văn minh.		Câu 3, 4, 5	Câu 1 – (a) (b) Câu 2 – (a) (b)	

<p>Chủ đề 3. Một số nền văn minh thế giới thời cổ - trung đại</p>	<p>phương Đông thời cổ - trung đại</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết xác định và nêu được những thành tựu tiêu biểu của văn minh Ai Cập cổ đại, Văn minh Trung Hoa và Văn minh Ấn Độ thời cổ - trung đại trên các lĩnh vực: Chữ viết, Văn học, Toán học, Kiến trúc và điêu khắc, Tôn giáo, Sử học,... - Biết được thành tựu về Kiến trúc và điêu khắc của các nền văn minh phương Đông thời cổ - trung đại thể hiện sức lao động, sáng tạo và trí tuệ của con người và có ảnh hưởng ra bên ngoài. 			
		<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được nguyên nhân cơ bản của sự xuất hiện chữ viết, sự ra đời của Toán học,... - So sánh được điểm tương đồng và khác nhau giữa văn hóa và văn minh. - Phân tích và trình bày được ý nghĩa của các thành tựu tiêu biểu của văn minh phương Đông thời kì cổ - trung đại. - Phân tích được nội hàm, đặc điểm khái niệm văn hóa và văn minh. - So sánh được điểm tương đồng và khác biệt giữa văn minh Ấn Độ cổ - trung đại và văn minh Trung Hoa thời cổ - trung đại. - Phân tích được mối quan hệ giữa văn minh và văn hóa. - Giải thích được nguồn gốc, nguyên nhân, sự vận động phát triển của các thành tựu tiêu biểu trên các lĩnh vực của văn minh phương Đông thời cổ - trung đại. 	<p>Câu 11</p>	<p>Câu 1 – (c) Câu 2 – (c)</p>	<p>Câu 1</p>
		<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vấn đề cần giải quyết và vận dụng được các kiến thức, bài học lịch sử để giải quyết vấn đề như đưa ra nhận xét, đánh giá, xác định giá trị,... về các thành tựu trên các lĩnh vực của văn minh phương Đông thời cổ - trung đại. - Biết tìm tòi, khám phá thông qua sử liệu để đưa ra nhận xét, đánh giá sự tương đồng hoặc khác biệt giữa các thành tựu tiêu biểu của văn minh phương Đông thời cổ trung - đại và văn minh phương Tây thời cổ - trung đại. 		<p>Câu 1 – (d) Câu 2 – (d)</p>	

		<p>Bài 5. Một số nền văn minh phương Tây thời cổ - trung đại</p>	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết cách khai thác tư liệu lịch sử. - Biết xác định và nêu được những thành tựu, tác giả tiêu biểu của văn minh Hy Lạp – La Mã thời cổ đại trên các lĩnh vực: Chữ viết, Văn học, Tư tưởng, Lịch pháp và Thiên văn học Khoa học, Kiến trúc và điêu khắc, Thể thao, Tôn giáo, Sử học,... - Biết được khái niệm và nội dung cơ bản của văn minh thời Phục hưng. - Biết được văn minh Hy Lạp – La Mã cổ đại là quê hương của triết học phương Tây và là sở cho nền văn minh phương Tây sau này. 	<p>Câu 6, 7, 8</p>	<p>Câu 3 – (a) (b) Câu 4 – (a) (b)</p>	
			<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích và trình bày được ý nghĩa của các thành tựu tiêu biểu trên các lĩnh vực của văn minh Hy Lạp – La Mã thời cổ đại. - Giải thích được vì sao nói chữ viết là công hiến lớn lao của La Mã cổ đại; Vì sao hiện nay nhân loại tiếp tục duy trì Đại hội thể thao Ô-lim-píc (Olympic). - So sánh được điểm tương đồng và khác biệt giữa hai nền văn minh cổ đại phương Đông và văn minh cổ đại phương Tây. - Phân tích, giải thích, đánh giá được nội dung, tác động của văn minh thời Phục hưng. - Giải thích được nguồn gốc, nguyên nhân hình thành của văn minh thời Phục hưng. 	<p>Câu 12</p>	<p>Câu 3 – (c) Câu 4 – (c)</p>	
			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vấn đề cần giải quyết và vận dụng được các kiến thức, bài học lịch sử để giải quyết vấn đề như đưa ra nhận xét, đánh giá, xác định giá trị,... về nội dung, tính chất cũng như các thành tựu trên các lĩnh vực của văn minh Hi Lạp – La Mã thời cổ đại và văn minh thời Phục hưng. - Biết tìm tòi, khám phá thông qua sử liệu để đưa ra nhận xét, đánh giá sự tương đồng hoặc khác biệt giữa các thành tựu tiêu biểu của văn minh phương Đông thời cổ trung - đại và văn minh phương Tây thời cổ - trung đại. 		<p>Câu 3 – (d) Câu 4 – (d)</p>	<p>Câu 2</p>

			- Vận dụng được kiến thức lịch sử đã học vào lí giải hoặc giải quyết các vấn đề, giải thích, chứng minh, những lí thuyết khoa học, những nhận định của các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu,...			
	Tổng			12 câu	4 (a); 4(b) 4 (c); 4 (d)	2 câu
	Tỉ lệ %			30%	40%	30%

V. ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I THEO MA TRẬN – LỊCH SỬ 10 – NĂM HỌC: 2025 – 2026

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN LINH

(Đề kiểm tra có 04 trang)

ĐỀ CHÍNH THỨC

KIỂM TRA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN: LỊCH SỬ - LỚP 10

Thời gian: 45 phút

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh chọn nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án (3.0 điểm)

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng/sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d), ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. (4.0 điểm)

III. Phần tự luận (3.0 điểm)

Câu 1. (1.0 điểm)

Câu 2. (2.0 điểm)

VI. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I THEO MA TRẬN – LỊCH SỬ 10 – NĂM HỌC: 2025 – 2026**Phần I: (3.0 điểm) Mỗi câu trả lời đúng, thí sinh đạt 0,25 điểm**

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án												

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng/sai. (4.0 điểm)

Mỗi ý trả lời đúng thí sinh đạt được số điểm tương ứng từ: 0.25đ

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4
a-	a-	a-	a-
b-	b-	b-	b-
c-	c-	c-	c-
d-	d-	d-	d-

Phần III. (3.0 điểm)

CÂU	NỘI DUNG ĐÁP ÁN	ĐIỂM
Câu <i>(.0 điểm)</i>		

**PHÊ DUYỆT CỦA CHUYÊN MÔN
NHÀ TRƯỞNG**

.....

GIÁO VIÊN RA ĐỀ

.....